

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111/2023/HNGĐ-PT**

Ngày: 01 – 02 – 2023

V/v Tranh chấp ly hôn, tài sản chung,
nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hoàng Anh;
Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh– Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2022/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, tài sản chung, nợ chung”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1173/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H bị ông Nguyễn Khắc T kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nữ Minh Tr, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số B69/18B đường NTS, ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Nữ Minh Tr về phần tài sản chung: Ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 410B/30 đường HG, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Nữ Minh Tr: Ông Nguyễn Văn H - Luật sư Văn phòng Luật sư V thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số 205/8A11, đường THĐ, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số B69/18B đường NTS, ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Khắc T gồm:

1. Ông Kim Ron T – Luật sư Công ty Luật TNHH TV thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

2. Ông Phan Mậu N – Luật sư Công ty Luật TNHH TV thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Cùng địa chỉ: Số 200/9 đường NHT, phường TT, quận TP, Thành phố H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP A.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hoàng N.

Địa chỉ: Lầu 6, 444A-446 đường CMT8, Phường A, Quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 03/7/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/10/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Trần Thị Nữ Minh Tr trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, vào năm 1998 bà Tr và ông Nguyễn Khắc T đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BV, huyện LK, tỉnh ĐN theo giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyền số 02 ngày 01/12/1998.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã trong thời gian dài khiến cho cuộc sống gia đình ngày càng trở nên bế tắc, vợ chồng sống chung một nhà nhưng không cùng quan điểm chung, ông T thường xuyên bạo hành bà Tr về tinh thần và thể chất. Từ tháng 4/2019 vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có liên lạc, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã trở nên lạnh nhạt, không còn yêu thương tôn trọng nhau, không thể hàn gắn sống chung với nhau được. Do đó bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông T. Hiện tại sức khỏe bà Tr bình thường.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Tr và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Khắc T, sinh ngày 02/6/1999, Nguyễn Thị Dung T, sinh ngày 19/8/2004, Nguyễn Khắc Trí T, sinh ngày 18/3/2013. Trước đây bà Tr yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung tên Nguyễn Khắc Trí T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay các con đang ở với ông T nên bà Tr đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Tr không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có tài sản chung:

+ Căn nhà và đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD530400, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 do Sở Tài

nguyên và môi trường Thành phố H cấp ngày 01/9/2016. Bà Tr yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà, đất này.

+ Đối với yêu cầu tranh chấp tiền chuyển nhượng tài sản nhà, đất tại phường BVA, huyện LK, tỉnh ĐN, nay bà Tr rút lại yêu cầu này và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn ông Nguyễn Khắc T trình bày:

- Về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn, ông T đồng ý với lời trình bày của bà Tr. Tại thời điểm hôm nay, ông T và các con mong muốn đưa bà Tr về để chăm sóc chữa bệnh cho bà Tr. Ông T và các con rất cần đến sự có mặt của bà Tr trong gia đình để xây dựng tổ ấm. Ông T không đồng ý với kết quả khám sức khỏe của bà Tr. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì phát sinh, ông T còn thương vợ con vì bà Tr bị bệnh trầm cảm nặng (loạn thần) nên bà Tr yêu cầu ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn với bà Tr.

- Về con chung: Ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục con chung tên Nguyễn Khắc Trí T, sinh ngày 18/3/2013 và không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Nguyễn Khắc T, sinh ngày 02/6/1999 và Nguyễn Thị Dung T, sinh ngày 19/8/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Căn nhà và đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD530400, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H cấp ngày 01/9/2016, bà Tr yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà đất này, ông T không đồng ý vì ông T còn thương gia đình, thương vợ con, mong muốn đoàn tụ gia đình để lo cho các con. Nếu bà Tr về sống tại nhà này ông T đồng ý giao nhà đất cho bà Tr quản lý sử dụng và nuôi dạy các con, ông T dọn ra ngoài sống. Hơn nữa căn nhà này là cửa hàng thuốc tây NT, là nguồn tài chính duy nhất nuôi sống gia đình từ đó đến nay nên ông T không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Tr.

- Về nợ chung: Vợ chồng đã thế chấp nhà đất số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H để vay tiền Ngân hàng A nhưng ông T không cung cấp được hồ sơ thế chấp ngân hàng, mục đích vay lo kinh tế gia đình. Hiện nay vợ chồng không còn nợ Ngân hàng A khoản tiền nào.

+ Ông T và bà Tr có các khoản nợ chung như sau: Nợ bà Nguyễn Thị Bích N số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và 12 (Mười hai) cây vàng; nợ bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và 04 (Bốn) cây vàng; nợ cha mẹ của ông T là ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị L số vàng 04 (Bốn) cây vàng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông T đề nghị bà Tr cùng với ông T chịu trách nhiệm trả các khoản nợ trên, nếu trở về đoàn tụ, không ly hôn thì ông T sẽ tự chịu trách nhiệm trả các khoản nợ này. Mục đích vay nợ là để xây dựng nhà, tiêu xài trong gia đình khi 02 vợ chồng còn sống chung.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N trình bày:

Năm 2016, Ngân hàng TMCP A có ký hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Khắc T, bà Trần Thị Nữ Minh Tr, số tiền vay là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Để đảm bảo việc vay tiền, ông T, bà Tr và Ngân hàng ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H; nhà, đất do ông T, bà Tr đứng tên chủ sở hữu. Ngày 29/6/2018 ông T, bà Tr đã trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A. Tuy nhiên ông T, bà Tr không đến Ngân hàng để nhận lại bản chính giấy tờ nhà, đất đã thế chấp; Ngân hàng vẫn đang giữ các giấy tờ nhà, đất của ông, bà. Trong vụ kiện này, Ngân hàng không có ý kiến yêu cầu gì; đề nghị ông T, bà Tr đến Ngân hàng nhận lại bản chính giấy tờ nhà, đất số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1173/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H đã nhận định:

Xét về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Tr và ông T sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống chung một nhà nhưng không cùng quan điểm chung. Ông T thường xuyên bạo hành bà Tr về tinh thần và thể chất. Từ tháng 4/2019 bà Tr với ông T bắt đầu sống ly thân. Từ khi sống ly thân, vợ chồng bà Tr và ông T không có qua lại, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người nấy sống. Nay bà Tr nhận thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể hàn gắn sống chung với nhau được nên bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông T. Ngược lại, ông T thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 nhưng ông T cho rằng vẫn còn yêu thương bà Tr vì bà Tr bị bệnh trầm cảm nặng (loạn thần) nên mong muốn gia đình được đoàn tụ nên ông T không đồng ý ly hôn với bà Tr. Tại phiếu khám sức khỏe Bệnh viện tâm thần trung ương 2 ngày 06/02/2020 kết luận: Hiện tại không có rối loạn tâm thần. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng bà Tr và ông T đã không còn sống chung từ tháng 4/2019 cho đến nay. Trong thời gian dài mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được giải quyết, cuộc sống gia đình vẫn không hạnh phúc. Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên để các bên đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng không thành, bà Tr vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông T. Mặc dù ông T không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn yêu thương bà Tr nhưng kể từ khi bà Tr có đơn xin ly hôn với ông T tại Tòa án cho đến nay, ông T vẫn không có hành động cụ thể hay giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, mỗi người vẫn giữ quan điểm riêng của mình. Từ khi sống ly thân, vợ chồng bà Tr và ông T không có qua lại, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người nấy sống. Tại phiên tòa, các bên vẫn tiếp tục tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung và bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử kết luận đời sống chung vợ chồng của bà Tr và ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Tr là phù hợp với các quy định của pháp luật và xử cho bà Tr được ly hôn với ông T.

Về con chung. Xét về yêu cầu nuôi con:

Trong quá trình chung sống, bà Tr và ông T có 03 người con chung tên Nguyễn Khắc T sinh ngày 02/6/1999; Nguyễn Thị Dung T, sinh ngày 19/8/2004 và Nguyễn Khắc Trí T, sinh ngày 18/3/2013. (hiện nay Nguyễn Khắc T và Nguyễn Thị Dung T đã trưởng thành). Ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục con chung và không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà Tr cũng đồng ý giao con chung cho ông T chăm sóc nuôi dưỡng, do đó Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện của bà Tr là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử xét ghi nhận và giao cháu T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của ông T và phù hợp với các quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Tr có quyền yêu cầu thay đổi trực tiếp quyền nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản cấm đoán.

Xét yêu cầu chia tài sản chung:

Về tài sản chung: Vào ngày 10/10/2019 bà Tr có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông T chia số tiền 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) từ việc bán căn nhà chung tại Thị xã LK, tỉnh ĐN, tuy nhiên ngày 20/5/2020 bà Tr đã tự nguyện nộp đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung nói trên đối với ông T nên Tòa án không thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với bà Tr. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đối với phần yêu cầu chia tài sản chung này.

Trong thời gian chung sống ông T và bà Tr có tạo lập được khối tài sản chung là một căn nhà tọa lạc tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H. Hiện nhà này đã được Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị Nữ Minh Tr, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 ngày 01/9/2016. Như vậy, đối với khối tài sản chung này ông T và bà Tr đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tranh chấp tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Tr, ông T vẫn không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Mặt khác theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Như vậy việc bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản khi ly hôn theo quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của bị đơn: Ông T không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng đang tranh chấp theo quy định pháp luật, vì ông T cho rằng còn thương gia đình, thương vợ con, mong muốn đoàn tụ gia đình để lo cho các con. Nếu bà Tr về sống tại nhà này ông T đồng ý giao nhà, đất cho bà Tr quản lý sử dụng và nuôi dạy các con, ông T dọn ra ngoài sống. Hơn nữa căn nhà này là cửa hàng thuốc tây NT, là nguồn tài chính duy nhất nuôi sống gia đình từ đó đến nay nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Tr. Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản chung của vợ chồng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung chỉ của vợ và chồng. Trường hợp các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vấn đề tài sản chung này và không trái với quy định của pháp luật thì Tòa án sẽ ghi nhận. Trường hợp các bên không

thể thỏa thuận được với nhau thì Tòa án sẽ căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì trong vụ án này, phần tài sản chung mà bà Tr và ông T mỗi người sẽ được nhận là $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung bao gồm cả nhà đất đang tranh chấp. Việc ông T nói căn nhà này là cửa hàng thuộc tây NT, là nguồn tài chính duy nhất nuôi sống gia đình từ đó đến nay nên không đồng chia theo yêu cầu của bà Tr là không có cơ sở. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, phía nguyên đơn đã yêu cầu đo vẽ để xác định chính xác diện tích nhà đất tranh chấp. Theo bản đồ xác định ranh số hợp đồng 105822/ TTĐĐBĐ do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H lập ngày 13/3/2020 thì nhà đất đang tranh chấp tọa lạc tại địa chỉ số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H có diện tích 77.6m², thửa đất số 636, tờ bản đồ số 32, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD530400, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H cấp ngày 01/9/2016. Căn cứ theo khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì phần tài sản mà bà Tr và ông T mỗi người được nhận là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị Nữ Minh Tr.

Căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá tài sản ngày 08/9/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá và DVTS TC (VATC) làm cơ sở giải quyết vụ án thì tổng giá trị nhà đất đang tranh chấp là 6.040.000.000đ (Sáu tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).

Giá trị tài sản bà Tr và ông T, mỗi người được nhận gồm $\frac{1}{2}$ tổng giá trị quyền sử dụng đất và căn nhà tranh chấp:

$6.040.000.000\text{đồng} : 2 = 3.020.000.000\text{đ}$ (Ba tỷ không trăm hai mươi triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay ông T đang trực tiếp nuôi con và quản lý sử dụng căn nhà nêu trên nên cần có chỗ ở ổn định. Do đó căn cứ theo khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cho ông T nhận toàn bộ căn nhà đang tranh chấp là phù hợp. Vì ông T được nhận phần tài sản căn nhà nói trên nên ông T có trách nhiệm phải thanh toán lại cho bà Tr số tiền 3.020.000.000đ (Ba tỷ không trăm hai mươi triệu đồng).

Về chi phí đo vẽ bản đồ hiện trạng và chứng thư thẩm định giá tài sản đang tranh chấp phía nguyên đơn tự nguyện chịu và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về nợ chung theo yêu cầu của nguyên đơn: Trong vụ án này bà Tr khai không thiếu nợ ai hết và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về nợ chung theo yêu cầu của bị đơn: Tại biên bản hòa giải ngày 18/5/2021 ông T trình bày có nợ bà Nguyễn Thị Bích N số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và 12 (Mười hai) cây vàng; nợ bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 300.000.000đ

(Ba trăm triệu đồng) và 04 (Bốn) cây vàng; nợ cha mẹ của ông T là ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị L số vàng 04 (Bốn) cây vàng nhưng ông T không cung cấp được các chứng cứ liên quan đến việc vay nợ này, đồng thời Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông T đến làm việc vào các ngày 20/01/2022 và ngày 23/6/2022 để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và cung cấp địa chỉ của những người đang thiếu nợ cho Tòa án biết nhưng ông T không hợp tác đến Tòa án làm việc. Ngày 17/8/2022, ông T đến Tòa án cung cấp chứng cứ và đơn yêu cầu phản tố nhưng trong đơn lại không ký tên và ghi họ tên, do đó Tòa án không thể xem xét. Vì vậy nếu sau này bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị L có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Vì những phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần nợ chung trong vụ án này.

Từ những nhận định nêu trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Nữ Minh Tr được ly hôn với ông Nguyễn Khắc T.

Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Khắc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung tên Nguyễn Khắc Trí T, sinh ngày 18/3/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Khắc T không yêu cầu bà Trần Thị Nữ Minh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà Tr thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Xác định căn nhà số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H đã được Sở Tài nguyên môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD530400, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 ngày 01/9/2016 là tài sản chung của ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị Nữ Minh Tr.

Giao cho ông Nguyễn Khắc T được quyền sở hữu căn nhà số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H đã được Sở Tài nguyên môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD530400, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 ngày 01/9/2016.

Ông Nguyễn Khắc T có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho bà Trần Thị Nữ Minh Tr $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H với số tiền 3.020.000.000đ (Ba tỷ không trăm hai mươi triệu đồng). Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Khắc T có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để đăng ký xác lập lại quyền sở hữu đối với căn nhà số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H theo thủ tục chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành đối với khoản tiền nêu trên, hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2022, ông Nguyễn Khắc T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 30/12/2022, ông Nguyễn Khắc T thay đổi, bổ sung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại phần tài sản chung và nợ chung.

Ngày 09/01/2023, bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Thu H là người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T có bản khai trình bày yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay mượn 568.800.000đ (Năm trăm sáu mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) của ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị Nữ Minh Tr.

Ngày 01/02/2023, bà Nguyễn Thị Thu H là người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T có bản khai trình bày xin rút yêu cầu giải quyết số tiền vay mượn 568.800.000đ (Năm trăm sáu mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) của ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị Nữ Minh Tr.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Khắc T và ông Đỗ Xuân T là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Nữ Minh Tr về phần tài sản chung, thỏa thuận giải quyết tài sản chung và nợ chung như sau:

- Về tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị Nữ Minh Tr:

Xác định quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H đã được Sở Tài nguyên môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD530400, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 ngày 01/9/2016 là tài sản chung của ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị Nữ Minh Tr.

- Phân chia tài sản chung:

Giao cho ông Nguyễn Khắc T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H đã được Sở Tài nguyên môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD530400, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 ngày 01/9/2016.

Ông Nguyễn Khắc T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Nữ Minh Tr giá trị tài sản chung quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H với số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Nữ Minh Tr đồng ý nhận tiền.

Ngay khi ông Nguyễn Khắc T thanh toán cho bà Trần Thị Nữ Minh Tr số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) xong, ông Nguyễn Khắc T được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để đăng ký xác lập quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H theo thủ tục chung.

Ông Nguyễn Khắc T tự nguyện trả các khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân (nếu có) của các ông, bà Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn T, Nguyễn Thị L và ông Lương Hữu T.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Khắc T trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1173/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Nữ Minh Tr trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1173/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T:

Ngày 25/8/2022, Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án; ngày 05/9/2022, ông Nguyễn Khắc T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Ngày 30/12/2022, ông Nguyễn Khắc T thay đổi, bổ sung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại phân tài sản chung và nợ chung. Căn cứ Điều 273, Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T còn trong thời hạn luật định và thay đổi, bổ sung kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T trong phạm vi kháng cáo ban đầu nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Khắc T và ông Đỗ Xuân T là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Nữ Minh Tr về phần tài sản chung đã thỏa thuận giải quyết tài sản chung và nợ chung. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1173/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T làm trong hạn luật định, việc thay đổi bổ sung kháng cáo ngày 30/12/2022 trong phạm vi kháng cáo ban đầu nên cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Khắc T và ông Đỗ Xuân T là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Nữ Minh Tr về phần tài sản chung đã thỏa thuận giải quyết tài sản chung và nợ chung như sau:

- Về tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị Nữ Minh Tr:

Xác định quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H đã được Sở tài nguyên môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD530400, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 ngày 01/9/2016 là tài sản chung của ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị Nữ Minh Tr.

- Phân chia tài sản chung:

Giao cho ông Nguyễn Khắc T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H đã được Sở tài nguyên môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD530400, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 ngày 01/9/2016.

Ông Nguyễn Khắc T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Nữ Minh Tr giá trị tài sản chung quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H với số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Nữ Minh Tr đồng ý nhận tiền.

Ngay khi ông Nguyễn Khắc T thanh toán cho bà Trần Thị Nữ Minh Tr số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) xong, ông Nguyễn Khắc T được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để đăng ký xác lập quyền sở hữu nhà và

quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H theo thủ tục chung.

Ông Nguyễn Khắc T tự nguyện trả các khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân (nếu có) của các ông, bà Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn T, Nguyễn Thị L và ông Lương Hữu T.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy việc thỏa thuận nêu trên của ông Nguyễn Khắc T và ông Đỗ Xuân T là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Nữ Minh Tr là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp Điều 5, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T, sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1173/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm (Về tài sản chung): Ông T, bà Tr phải chịu trên giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật:

- Bà Tr được chia giá trị là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), phải chịu án phí 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng).

- Ông T được chia giá trị là 4.040.000.000đ (Bốn tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng), phải chịu án phí 112.040.000đ (Một trăm mười hai triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông T không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T tại phiên tòa: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[7]. Xét trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tr tại phiên tòa: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[8]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, Điều 104, Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Điều 293, Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T.

Sửa một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1173/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H đối với yêu cầu tranh chấp tài sản chung, nợ chung giữa bà Trần Thị Nữ Minh Tr và ông Nguyễn Khắc T, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nữ Minh Tr đối với ông Nguyễn Khắc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Nữ Minh Tr ly hôn ông Nguyễn Khắc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 02 ngày 01/12/1998 do Ủy ban nhân dân xã BV, huyện LK, tỉnh ĐN cấp cho bà Trần Thị Nữ Minh Tr và ông Nguyễn Khắc T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: 03 con chung tên Nguyễn Khắc T, sinh ngày 02/6/1999, Nguyễn Thị Dung T, sinh ngày 19/8/2004 và Nguyễn Khắc Trí T, sinh ngày 18/3/2013.

Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Khắc Trí T cho ông Nguyễn Khắc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Khắc T không yêu cầu bà Trần Thị Nữ Minh Tr cấp dưỡng nuôi con. Việc giao nhận con chung tên Nguyễn Khắc Trí T do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Sau khi ly hôn, bà Trần Thị Nữ Minh Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà Trần Thị Nữ Minh Tr thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

- Xác định quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H đã được Sở tài nguyên môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD530400, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 ngày 01/9/2016 là tài sản chung của ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị Nữ Minh Tr.

- Phân chia tài sản chung:

+ Giao cho ông Nguyễn Khắc T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H đã được Sở tài nguyên môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD530400, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00552 ngày 01/9/2016.

+ Ông Nguyễn Khắc T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Nữ Minh Tr giá trị tài sản chung quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H với số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trần Thị Nữ Minh Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Khắc T chưa hoặc không thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

+ Ngay khi ông Nguyễn Khắc T thanh toán cho bà Trần Thị Nữ Minh Tr số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) xong, ông Nguyễn Khắc T được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để đăng ký xác lập quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số B69/18B ấp MH2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố H theo thủ tục chung.

+ Ông Nguyễn Khắc T tự nguyện trả các khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân (nếu có) của các ông, bà Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn T, Nguyễn Thị L và ông Lương Hữu T.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị Nữ Minh Tr phải chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2019/0004447 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM, Thành phố H.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Án phí dân sự sơ thẩm (Về tài sản chung):

- Bà Trần Thị Nữ Minh Tr phải chịu 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 59.125.000đ (Năm mươi chín triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2019/0004448 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM, Thành phố H. Bà Trần Thị Nữ Minh Tr phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.875.000đ (Mười hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Khắc T phải chịu 112.040.000đ (Một trăm mười hai triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

II. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Nguyễn Khắc T không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Khắc T số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0040067 ngày 07/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND.HHM, TP.H;
- Chi cục THADS.HHM , TP.H ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức

